

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 3 - 2025

V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

2/ Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa: Ông Phạm Như Nền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1798/2024/TLST - HNGN ngày 09/7/2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ I, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ I, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Ông T1 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh D).

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Hiện nay cả hai vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông T1 để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2006. Các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2025 (tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ) ông T1 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, ông và bà T chung sống tự nguyện vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện nay ông đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày là đúng, nay bà T làm đơn xin ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2006. Các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị T. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1; Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2006. Các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung: không có; Về án phí: Bà T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 hiện có địa chỉ tại phường P, thành phố B và hiện đang bị tạm giam tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do hai vợ chồng đã sống ly thân (ông T1 đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ) và cương quyết xin ly hôn với ông T1 để trả tự do cho nhau. Tại bản tự khai ngày 24/02/2025, ông T1 cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn với bà T. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 là có thật, được các bên thừa nhận; đã xảy ra trong khoảng thời gian dài, hiện cả hai

không thể tìm được tiếng nói chung có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hàn gắn, đoàn tụ cũng không đạt kết quả. Hơn nữa, hiện nay ông T1 đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đ, hai vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau trong một thời gian dài nên mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

[4] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2006. Các con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông T1 trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, 11, 56, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Các con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 2004 và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2006 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0004533 ngày 03/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa. Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- T2;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- T2;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- T2;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- T2;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên